

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

Hà Nội, năm 2015

MỤC LỤC

KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
PHẦN 1. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY	2
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	2
1. Giới thiệu về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	2
2. Ngành nghề kinh doanh.....	3
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	4
4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.....	5
5. Các tổ chức chính trị xã hội (Đảng, Đoàn)	7
6. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết.....	7
7. Phân loại lao động.....	8
8. Thực trạng doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 04 năm 2015	10
9. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 03 năm trước khi cổ phần hóa	14
10. Nguyên, nhiên, vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên, nhiên, vật liệu.....	15
11. Chi phí sản xuất.....	16
12. Trình độ công nghệ	17
13. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	18
14. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm /dịch vụ.....	18
15. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	18
16. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	18
17. Các hợp đồng lớn	18
18. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa	19
19. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty	20
20. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	21
21. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	22
PHẦN 2. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	24
1. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án:.....	24
2. Mục tiêu cổ phần hóa:	25
3. Hình thức cổ phần hóa	25
4. Tên gọi, địa chỉ của công ty cổ phần.....	25
5. Ngành nghề kinh doanh.....	26
6. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (01/9/2015).....	27
7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	27

8. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	30
9. Phương án phân chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.....	32
10. Phương án sử dụng lao động và Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư.....	32
11. Kế hoạch đào tạo lại lao động.....	35
12. Phương án sử dụng đất.....	35
13. Chi phí cổ phần hóa và kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa.....	36
14. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.....	38

PHẦN 3. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA 39

1. Phương hướng và mục tiêu.....	39
2. Công tác đầu tư phát triển.....	39
3. Về công tác tài chính.....	40
4. Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV.....	40
5. Cơ cấu lại mô hình tổ chức quản lý và bố trí nhân sự khi chuyển sang công ty cổ phần.....	41
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa.....	44
7. Các giải pháp thực hiện.....	44
8. Phân tích các rủi ro dự kiến.....	45
9. Đề xuất, kiến nghị.....	48

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT 50

BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2015)	8
Bảng 2. Bảng cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp (01/9/2015)	9
Bảng 3. Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015	10
Bảng 4. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	11
Bảng 5. Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	12
Bảng 6. Tình hình tài chính, công nợ của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015	13
Bảng 7. Cơ cấu sản lượng hoạt động địa chất, trắc địa của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa.....	14
Bảng 8. Cơ cấu doanh thu của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa.....	14
Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	16
Bảng 10. Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty	17
Bảng 11. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	19
Bảng 12. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	19
Bảng 13. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/4/2015	21
Bảng 14. Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa	28
Bảng 15. Phương án sắp xếp lại lao động.....	32
Bảng 16. Bảng cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần	34
Bảng 17. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	35
Bảng 18. Dự toán chi phí cổ phần hóa	36
Bảng 19. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	37
Bảng 20. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa	44
Bảng 21. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa	50

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

▪ VPCP	Văn phòng Chính phủ
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước
▪ BHYT	Bảo hiểm y tế
▪ BHXH	Bảo hiểm xã hội
▪ CBCNV	Cán bộ công nhân viên
▪ TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ BKS	Ban kiểm soát
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ QLDN	Quản lý doanh nghiệp
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TC-KT	Tài chính – kế toán
▪ GTDN	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN 1. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp cổ phần hóa

1.4 Thông tin chung về Công ty

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**
- Tên giao dịch Quốc tế : **VINACOMIN-VIET BAC GEOLOGY COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **CÔNG TY ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC-TKV**
- Tên gọi tắt : **VBG**
- Địa chỉ : Số 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 04 3845 7360 – 3823 3786
- Fax : 04 3732 3483
- Email : **diachatvietbac@yahoo.com.vn**
- Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104944595 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 02 tháng 12 năm 2014.

1.5 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được thành lập theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI; Công ty thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV và Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

Ngày 19/11/2014, Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV theo quyết định số 2477/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tiền thân Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI là **Xí nghiệp dịch vụ khảo sát thiết kế** được thành lập theo Quyết định số 1265- NL/TCCB ngày 26/10/1988 của Bộ Năng Lượng;

Năm 1991, Xí nghiệp dịch vụ khảo sát thiết kế được chuyển về Công ty Than 3 nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc;

Năm 1994, Xí nghiệp thăm dò khảo sát 3 (Yên Viên - Hà Nội) được sát nhập vào Xí nghiệp dịch vụ khảo sát thiết kế và được đổi tên thành **Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật** thuộc Công ty than Nội Địa nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc;

Năm 2006, Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật được đổi tên thành **Xí nghiệp thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI** thuộc Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

Công ty thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV tiền thân là đoàn địa chất 14 được thành lập theo Quyết định số 407/ĐC ngày 27/12/1958 của Giám đốc Sở địa chất thuộc Bộ Công Nghiệp từ ngày thành lập cho đến nay thực hiện 05 Quyết định điều chuyển nguyên trạng đơn vị và 6 lần đổi tên

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015; Văn bản số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Ngày 28/01/2015 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 118/QĐ - TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV .

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV đang tiến hành các thủ tục cổ phần hóa theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ và theo các văn bản hướng dẫn của Nhà nước hiện hành.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV số 0104944595 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 02 tháng 12 năm 2014.

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước, gồm: - Điều tra cơ bản địa chất, thăm dò nguồn nước ngầm và nước mặt. - Khoan khảo sát, thăm dò địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý. - Thi công khoan máy, khai đào, khảo sát và xử lý nền móng.	71103 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3	Hoạt động đo đạc bản đồ	71102
4	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, gồm: lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại.	71109
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường bộ	42102
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

TT	Tên ngành	Mã ngành
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: - Xây dựng xử lý nền móng công trình, xây dựng hệ thống xử lý nước công nghiệp và dân sinh.	4390
11	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản	7210
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm phân tích mẫu than, đất, đá, nước, khí, các mẫu khoáng sản khác, thí nghiệm nén tĩnh hiện trường	7120
14	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46591
15	Buôn bán tổng hợp	4690
16	Vận tải hàng hoá đường bộ	4933
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Đánh giá tác động môi trường các công trình: Khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp	7490
18	Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu - Khai thác khoáng sản (ngoài than)	0899
19	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Tư vấn đầu tư (không gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	6619
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng	7730
21	Sản xuất máy chuyên dụng khác - Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dụng: gồm thiết bị máy khoan và thăm dò địa chất	2829
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị: - Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ.	3312
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;
- Khoan thăm dò than; Khoan thăm dò khoáng sản;

- Khoan địa chất công trình và cọc nhồi; Thiết kế các mỏ, các công trình vừa và nhỏ; Đánh giá tác động môi trường các công trình;
- Công tác Địa vật lý; Phân tích thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, cơ lý đất đá, nước.

4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

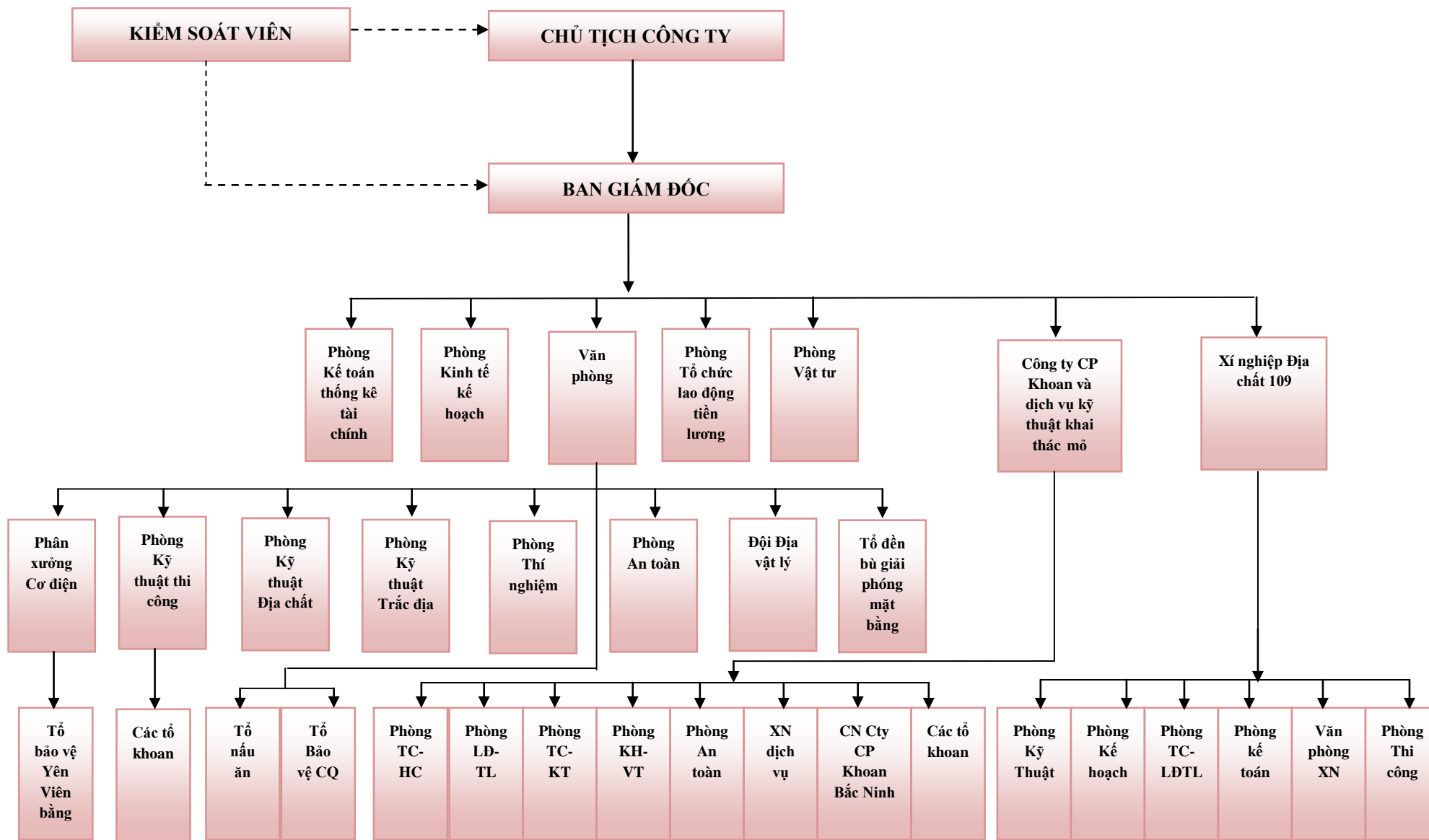
a. Mô hình quản lý của Công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV gồm: Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc.

b. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự hiện tại của Công ty

- b.1 **Chủ tịch công ty** : 01 người (không chuyên trách)
- b.2 **Ban quản lý điều hành** : 04 người
 - Giám đốc : 01 người
 - Phó giám đốc : 02 người
 - Kế Toán trưởng : 01 người
- b.3 **Kiểm soát viên** : 01 người (không chuyên trách)
- b.4 **Các phòng ban chức năng:** 12 phòng
 - Văn phòng
 - Phòng Tổ chức lao động tiền lương
 - Phòng Kế toán thống kê tài chính
 - Phòng Kinh tế kế hoạch
 - Phòng Đầu tư xây dựng
 - Phòng Vật tư
 - Phòng Kỹ thuật thi công
 - Phòng An toàn
 - Phòng Kiểm toán pháp chế
 - Phòng Kỹ thuật Địa chất
 - Phòng Kỹ thuật Trắc địa
 - Phòng Thí nghiệm
- b.5 **Phân xưởng, Đội, tổ thuộc Công ty**
 - Phân xưởng cơ điện
 - Đội Địa vật lý
 - Tổ Đèn bù giải phóng mặt bằng
- b.6 **Chi nhánh trực thuộc**
 - Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất 109

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty tại thời điểm 01/4/2015



5. Các tổ chức chính trị xã hội (Đảng, Đoàn)

5.1. Tổ chức Đảng

- Cơ quan Công ty:

Đảng bộ Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp Hà Nội

- Xí nghiệp Địa chất 109:

Đảng bộ Xí nghiệp Địa chất 109 trực thuộc Đảng bộ Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam

- Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ:

Đảng bộ Công ty CP Khoan và DVKTKT mỏ trực thuộc Đảng bộ Khối Công nghiệp Hà Nội

5.2. Tổ chức Đoàn Thanh niên

- Cơ quan Công ty:

Đoàn TN Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV trực thuộc Đoàn Khối Công nghiệp Hà Nội

- Xí nghiệp Địa chất 109:

Đoàn TN Xí nghiệp Địa chất 109 trực thuộc Đoàn Khối doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang.

- Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ:

Đoàn TN Công ty CP Khoan và DVKTKT mỏ trực thuộc Đoàn Khối Công nghiệp Hà Nội

5.3. Tổ chức Công đoàn

Công đoàn Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc trực thuộc Công đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam

Bên dưới có các Công đoàn bộ phận:

- Công đoàn Cơ quan Công ty

- Công đoàn Xí nghiệp Địa chất 109

- Công đoàn Công ty CP Khoan và DV kỹ thuật khai thác mỏ

6. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết

6.1 Công ty mẹ

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà nội

Điện thoại: 04.35180473 Fax : 04.35180425

Tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty: 100%

6.2 Công ty con :

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2015), Công ty có công ty con là:

Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ, doanh nghiệp do Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Địa chỉ: Số 101 (số 6, ngõ Chùa Nền), đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84.4.37669312

Fax: 84.4.37664037

Thực hiện theo Công văn số 2245/TKV-TCNS ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc triển khai thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-VBG phê duyệt phương án bán phần vốn của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ.

Ngày 11/8/2015, UBCK Nhà nước đã ra công văn số 4980/UBCK-QLPH về hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn tại CTCP Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật khai thác mỏ.

Ngày 15/9/2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức thành công phiên bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần bán được: 93.207 cổ phần (mệnh giá: 100.000 đồng/ cổ phần)
- Giá đấu thành công cao nhất: 252.000 đồng/ cổ phần
- Giá đấu thành công thấp nhất: 222.100 đồng/ cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 241.734 đồng/ cổ phần
- Tổng số tiền thu được từ thoái vốn: 22.531.300.938 đồng.

Trên cơ sở kết quả bán đấu giá cổ phần như trên, Công ty đã làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư trúng giá và kể từ ngày 01/10/2015, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc chấm dứt mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Kỹ thuật Khai thác Mỏ theo quy định của pháp luật. *(Tại thời điểm xác định GTDN, Công ty thực hiện định giá lại khoản vốn góp tại Công ty cổ phần và DV kỹ thuật khai thác mỏ làm cơ sở xác định giá bán đấu giá cổ phần. Giá trị vốn góp theo sổ sách là 9.320.700.000 đồng; giá trị Tổ chức tư vấn định giá lại là: 15.853.007.337 đồng, chênh lệch tăng 6.532.307.337 đồng đã được đưa vào GTDN để cổ phần hóa).*

6.3 Công ty liên kết, liên doanh

Không có

7. Phân loại lao động

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/4/2015, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty là 536 người, cơ cấu như sau:

Bảng 1. Bảng cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2015)

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	536	100%
1	Trên đại học	4	0,75%
2	Đại học	148	27,61%
3	Cao đẳng, trung cấp	70	13,06%
4	Trình độ khác	314	58,58%

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	536	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	7	1,31%
2	Lao động không xác định thời hạn	424	79,10%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	105	19,59%
4	Lao động hợp đồng thời vụ		
II	Phân theo giới tính	536	100%
1	Nam	454	84,70%
2	Nữ	82	15,30%

Tại thời điểm 01/9/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV để cổ phần hóa (thời điểm 0h ngày 01/4/2015), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty Địa chất Việt Bắc là 517 người, trong đó cơ cấu như sau:

Bảng 2. Bảng cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm phê duyệt giá trị doanh nghiệp (01/9/2015)

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	517	100%
1	Trên đại học	4	0,77%
2	Đại học	145	28,05%
3	Cao đẳng, trung cấp	50	9,67%
4	Trình độ khác	318	61,51%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	517	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	7	1,35%
2	Lao động không xác định thời hạn	397	76,79%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	113	21,86%
4	Hợp đồng thời vụ	0	0,00%
II	Phân theo giới tính	517	100%
1	Nam	436	84,33%
2	Nữ	81	15,67%

Danh sách lao động (theo Phụ lục 1 đính kèm).

8. Thực trạng doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 04 năm 2015

8.1 Thực trạng về tài sản

Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp theo sổ kế toán của Công ty tại thời điểm kết thúc ngày 31/3/2015 đã được cơ quan thuế kiểm tra trước khi xác định giá trị doanh nghiệp là **136.084.732.406** đồng:

a. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn : 90.252.176.048 đồng

b. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn : 45.832.556.358 đồng

Trong đó

- Tài sản hình thành từ quỹ KTPL : 1.096.837.883 đồng

- Tài sản chờ bàn giao : 0 đồng

- Tài sản không cần dùng chờ thanh lý đã hết khấu hao, có nguyên giá là: 6.708.378.674 đồng

Bảng 3. Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	90.252.176.048
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.900.995.062
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
III	Các khoản phải thu	49.923.474.235
1	Phải thu khách hàng	40.948.591.195
2	Trả trước cho người bán	806.467.872
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	7.325.882.621
4	Các khoản phải thu khác	842.532.547
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-
IV	Hàng tồn kho	26.468.978.006
1	Hàng tồn kho	26.468.978.006
V	Tài sản lưu động khác	1.958.728.745
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	889.072.882
3	Thuế và các khoản thu của Nhà nước	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.069.655.863
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	45.832.556.358
II	Tài sản cố định	35.335.086.951

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Tài sản cố định hữu hình	34.680.927.984
	<i>Nguyên giá</i>	92.937.131.919
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	58.256.203.935
2	Tài sản cố định vô hình	654.158.967
	<i>Nguyên giá</i>	1.340.119.155
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	685.960.188
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.320.700.000
1	Đầu tư vào Công ty con	9.320.700.000
V	Tài sản dài hạn khác	1.176.769.407
1	Chi phí trả trước dài hạn	1.176.769.407
	Tổng tài sản	136.084.732.406

8.1.1 Tình hình tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0h ngày 01/4/2015 như sau:

Bảng 4. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản tính vào giá trị doanh nghiệp	86.183.392.967	51.945.143.899	34.238.249.068
1	Tài sản cố định hữu hình	84.843.273.812	51.259.183.711	33.584.090.101
a	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	6.538.609.908	947.874.996	5.590.734.912
b	<i>Máy móc thiết bị</i>	69.929.003.180	43.640.935.869	26.288.067.311
c	<i>Phương tiện vận tải</i>	7.914.620.674	6.283.916.474	1.630.704.200
d	<i>Tài sản cố định khác</i>	461.040.050	386.456.372	74.583.678
2	Tài sản cố định vô hình	1.340.119.155	685.960.188	654.158.967
B	Tài sản chờ thanh lý	6.708.378.674	6.708.378.674	-
1	Tài sản cố định hữu hình	6.708.378.674	6.708.378.674	-
a	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	-	-	-
b	<i>Máy móc thiết bị</i>	6.637.821.434	6.637.821.434	-
c	<i>Phương tiện vận tải</i>	-	-	-
d	<i>Tài sản cố định khác</i>	70.557.240	70.557.240	-
C	Tài sản hình thành từ Quỹ KTPL	1.385.479.433	288.641.550	1.096.837.883
1	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	1.385.479.433	288.641.550	1.096.837.883

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
	Tổng	94.277.251.074	58.942.164.123	35.335.086.951

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc, nhà xưởng sản xuất, các kho chứa vật tư, thành phẩm của Công ty.
- **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiết bị quản lý chủ yếu phục vụ cho công tác văn phòng.
- **Phương tiện vận tải:** Bao gồm các xe ô tô con, xe phục vụ đưa rước CBCNV và phương tiện xe tải phục vụ cho sản xuất.
- **Tài sản cố định vô hình:** bao gồm chi phí san lấp mặt bằng hạ tầng khu Đình Xuyên và các phần mềm ứng dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8.1.2 Thực trạng về đất đai đang sử dụng của Công ty

Tình hình đất đai Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

Bảng 5. Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1	Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	18.178	Xây dựng cơ sở làm việc, kho xưởng và nhà ở CBCNV	Thuê đất, bên cho thuê là Sở địa chính - nhà đất Hà Nội, thời gian thuê là 20 năm, từ 01/01/1996-01/01/2016.	-Quyết định 5394/QĐ-UB ngày 13/12/1990 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 16.712 m ² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. Quyết định 1038/QĐ-UB ngày 15/4/1985 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 10.000 m ² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. -Hợp đồng thuê đất số 46-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ giữa Sở địa chính-Nhà đất Hà Nội và Xí nghiệp Thăm dò khảo sát và dịch vụ kỹ thuật.	Công ty đã bàn giao 8.534 m ² (Diện tích nhà ở của CBCNV đã được cấp sổ đỏ) cho Xã Đình Xuyên – Gia Lâm quản lý.
2	Thôn Địa Chất, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	12.628	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Thuê đất, trả tiền hàng năm, thời gian thuê từ 19/10/2011 đến ngày 15/10/2043, bên cho	-Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang cho chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – Vinacomin – Xí nghiệp Địa chất 109 thuê đất với diện tích 12.628 m ² . -Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTĐ ngày 14/6/2012 giữa UBND tỉnh	

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
				thuê là UBND tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang và chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – Vinacomin – Xí nghiệp Địa chất 109	-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp
Tổng cộng		30.806				

8.2 Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015, cụ thể như sau:

Bảng 6. Tình hình tài chính, công nợ của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015

STT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ
A	Vốn chủ sở hữu	76.021.920.770	100,00%
1	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.986.576.527	107,85%
2	Quỹ đầu tư phát triển	0	0,00%
3	Quỹ dự phòng tài chính	0	0,00%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.964.655.757)	-7,85%
5	Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản	-	0,00%
B	Các khoản nợ	60.062.811.636	100,00%
I	Nợ ngắn hạn	49.567.506.997	82,53%
1	Vay và nợ ngắn hạn	13.743.000.000	22,88%
2	Phải trả cho người bán	16.909.284.893	28,15%
3	Người mua trả tiền trước	55.440.000	0,09%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	356.580.115	0,59%
5	Phải trả công nhân viên	8.296.286.560	13,81%
6	Chi phí phải trả	0	0,00%
7	Phải trả các đơn vị nội bộ	0	0,00%
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.689.611.331	6,14%
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.517.304.098	10,85%
II	Nợ dài hạn	10.495.304.639	17,47%
1	Vay dài hạn	10.495.304.639	17,47%

Theo báo cáo tài chính Quý I năm 2015, Công ty có kết quả SXKD lỗ là: 5.964.655.757 đồng. Nguyên nhân lỗ như sau:

Trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2015 của Công ty được Tập đoàn giao, quý I năm 2015 Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV đã thực hiện được:

- Khối lượng: Khoan thăm dò 8.946 mét.
- Giá trị sản xuất thực hiện Quý I năm 2015 là: 30.416.400.000 đồng.

Tuy nhiên do đặc thù công tác địa chất các phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình còn dở dang chưa hoàn thành, mặt khác công ty cũng chưa triển khai được hợp đồng với các công ty sản xuất than trong Tập đoàn do chưa có kế hoạch khối lượng chi tiết được giao trong quý I/2015, chưa duyệt được dự toán phương án, cho nên doanh thu hoàn thành hạch toán quý I/2015 chỉ đạt là: 303.450.636 đồng, trong khi các chi phí phát sinh trong quý I/2015 như: chi phí quản lý công ty: 5.887.449.745 đồng; chi phí lãi vay: 498.761.054 đồng. Theo chế độ kế toán chi phí phát sinh được kết chuyển hết trong kỳ để xác định kết quả, dẫn đến lỗ hạch toán quý I của Công ty mẹ là: 5.964.655.757 đồng.

Đến Quý III/2015, hoạt động SXKD của Công ty đã có lãi. Trong quý III/2015, Công ty có phát sinh khoản doanh thu hoạt động tài chính là 6,7 tỷ đồng do thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ, theo đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2015 có lãi, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 480 triệu đồng.

9. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 03 năm trước khi cổ phần hóa

9.1 Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp 03 năm trước cổ phần hóa

9.1.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

Bảng 7. Cơ cấu sản lượng hoạt động địa chất, trắc địa của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
01	Thăm dò than	mét khoan	41.185	39.168,8	50.772,7
02	Thăm dò khoáng sản	mét khoan	26.612	12.861,5	4.185,9
	Tổng cộng	mét khoan	67.797	52.030,3	54.958,6

Hoạt động khoan thăm dò của Công ty chủ yếu phục vụ các dự án khai thác than, khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trong Tập đoàn TKV, các doanh nghiệp ngoài TKV chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó hoạt động này của Công ty sẽ biến động theo nhu cầu than. Những năm gần đây do giá than thế giới có xu hướng giảm, đồng thời giá than trong nước mất dần tính cạnh tranh khiến nhiều khách hàng của TKV chuyển qua sử dụng than nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động khoan thăm dò của công ty, theo đó sản lượng sản xuất của Công ty có xu hướng biến động thất thường hơn. Năm 2013, sản lượng khoan thăm dò của Công ty giảm 23,26% so với năm 2012, năm 2014 cũng chỉ tăng nhẹ 5,6% so với năm 2013.

Bảng 8. Cơ cấu doanh thu của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

TT	Sản phẩm (dịch vụ)	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)	Giá trị (Tr.đồng)	T.Trọng (%)
1	Doanh thu thuần	199.054	100	167.832	100,00	215.242	100
a	Thăm dò địa chất	191.992	96,45	160.461	95,61	209.851	97,50
b	Trắc địa	7.062	3,55	7.371	4,39	5.392	2,50
2	Lợi nhuận gộp	39.526	100	30.530	100	25.168	100
a	Thăm dò địa chất	38.086	96,36	29.234	95,76	23.686	94,11
b	Trắc địa	1.441	3,64	1.296	4,24	1.482	5,89

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ tập trung chủ yếu vào 2 hoạt động chính là: hoạt động thăm dò địa chất (than, khoáng sản) và trắc địa.

Doanh thu thuần từ hoạt động thăm dò địa chất của Công ty chiếm tỷ trọng lớn từ 95,6% đến 97,5% tổng doanh thu thuần của công ty mẹ (chủ yếu là từ hoạt động thăm dò than, hoạt động thăm dò khoáng sản chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm sút). Do đó, lợi nhuận gộp từ hoạt động này cũng chiếm tỷ trọng lớn trên 94% lợi nhuận gộp của công ty mẹ. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động thăm dò địa chất có xu hướng giảm, cụ thể: năm 2013 doanh thu thuần giảm 16,4%, lợi nhuận gộp giảm 23,2% so với năm 2012; năm 2014 doanh thu thuần tăng 28,2%, lợi nhuận gộp giảm 18,98% so với năm 2013.

Doanh thu thuần từ hoạt động trắc địa của Công ty mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu thuần nhưng lợi nhuận gộp từ hoạt động này khá ổn định và có xu hướng tăng.

10. Nguyên, nhiên, vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên, nhiên, vật liệu

Do nguồn nguyên liệu, nhiên liệu mà Công ty sử dụng là không đa dạng và khá phổ biến nên Công ty không sử dụng một nhà cung cấp cố định nào cho các loại nhiên liệu, nguyên liệu. Công ty thường sử dụng các nhà cung cấp là các đại lý nhiên liệu nơi thi công công trình: Hà Nội, Quảng Ninh... giúp Công ty tiết kiệm được chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, bảo quản nguyên vật liệu.

+ Về nhiên liệu: xăng và dầu Diesel là nhiên liệu chính, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và tiết kiệm chi phí vận chuyển, lưu kho, Công ty tổ chức ký hợp đồng mua xăng dầu với các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh, huyện nơi có công trình thi công (Quảng Ninh, Tuyên Quang) như Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh, Công ty xăng dầu Tuyên Quang.... Vì là nhiên liệu phổ thông và có rất nhiều các đơn vị trong nước cung cấp nên nguồn cung cấp nhiên liệu của Công ty là ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của Công ty với chất lượng phù hợp và giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm 2015 giá xăng dầu biến động có sự thay đổi tăng/ giảm khá nhiều lần, theo đó lợi nhuận của Công ty cũng bị ảnh hưởng.

+ Về vật tư: Vật tư chủ yếu của Công ty là những vật tư cơ khí, phụ tùng máy các loại dùng để thay thế cho sửa chữa cho các thiết bị, máy móc phục vụ công tác khoan, thăm dò. Nguồn cung cấp cung ứng vật tư chủ yếu của Công ty trong những năm qua tương đối ổn định, được cung cấp bởi các công ty chuyên kinh doanh vật tư phục vụ cho khoan thăm dò địa chất và khoan dầu khí như: Xí nghiệp Dịch vụ thiết bị vật tư, Công ty TNHH Thương mại và SX Phương Hoàng, Công ty Cổ phần vật tư địa chất ... Do giá cả vật tư chủ yếu dùng cho công nghệ khoan truyền thống nên ít biến động và ảnh hưởng không nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, để có nguồn nguyên nhiên vật liệu ổn định, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư theo tháng, quý dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh được lập định kỳ hàng năm,. Do đó, việc cung ứng vật tư của Công ty sát với tình hình thực tế và không bị thiếu hụt hay chậm trễ.

Bên cạnh đó, nguồn cung ứng nguyên, nhiên vật liệu của Công ty chủ yếu được mua từ các khách hàng truyền thống, các đơn vị có uy tín. Theo đó, chất lượng vật tư, tiến độ cung cấp luôn đáp ứng nhu cầu của Công ty với giá cả cạnh tranh.

11. Chi phí sản xuất

Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Doanh thu thuần	199.054		167.832		215.242	
2	Giá vốn hàng bán	159.527	80,14%	137.302	81,81%	190.074	88,31%
3	Chi phí tài chính	3.139	1,58%	3.972	2,37%	3.307	1,54%
4	Chi phí QLDN	31.611	15,88%	26.013	15,50%	18.400	8,55%
	Tổng chi phí	194.277	97,60%	167.287	99,68%	211.781	98,39%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 - VBG)

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thăm dò than, khoáng sản nên chi phí đầu tư máy móc thiết bị, chi phí nhân công lớn, do đó chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chủ yếu, luôn chiếm trên 82% trong tổng chi phí và chiếm trên 80% doanh thu thuần. Cụ thể: tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần có xu hướng tăng dần qua các năm từ 80,14% năm 2012 lên 88,31% năm 2014. Theo đó lợi nhuận gộp năm 2014 giảm 17,6% so với năm 2013. Tuy nhiên, tỷ trọng của chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần có xu hướng giảm từ 15,88% năm 2012 xuống 8,5% năm 2014, nguyên nhân chính là do: năm 2012, năm 2013, Công ty thực hiện sắp xếp lại lao động và thực hiện giải quyết chế độ cho cán bộ công

nhân viên. Về chi phí tài chính, Công ty chỉ vay dài hạn ngân hàng, theo đó chi phí tài chính của Công ty biến động ít. Nhìn chung, cơ cấu chi phí của Công ty khá ổn định, ít biến động.

12. Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng đòi hỏi về tiến bộ khoa học ngày càng cao của xã hội.

Tuy nhiên, để đáp ứng công tác khảo sát, thăm dò để duy trì và phát triển các mỏ hiện tại đồng thời mở thêm các mỏ mới theo định hướng phát triển của Ngành Than, Công ty phải tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại.

Hiện tại, Công ty có một số dây chuyền, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

Bảng 10. Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty

TT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
1	Công tác Trắc địa	Máy toàn đạc điện tử Leica	07	Đo bằng tia laser
		Máy Thủy chuẩn Topcon	06	Đo độ chênh cao địa hình
		Máy định vị GPS cầm tay	05	Định vị, dẫn hướng vệ tinh
2	Công tác khoan	Máy khoan HXY – 5	02	Khoan sâu đến 1800m
		Máy khoan XY – 44	18	Khoan sâu đến 1400m
		Máy khoan HXY – 42T	04	Khoan sâu từ 700 - 1100m
		Máy khoan Zip 1200-612	03	Khoan sâu đến 1200m
		Máy khoan HXY-6A	01	Khoan sâu đến 2000m
		Máy phát điện	05	Công suất 3 KVA
3	Công tác khai đào	Máy nén khí	06	Phục vụ công tác khoan nổ mìn, bơm nước thí nghiệm
		Máy bơm bùn BW-250	04	Phục vụ bơm bùn
		Dụng cụ thi công khai đào thủ công	06	Thi công khai đào tầng phong hóa.
4	Công tác đo địa vật lý	Trạm đo địa vật lý lắp trọn bộ trên xe ô tô	01	Đo sâu đến 2000 m
5	Xưởng gia công mẫu phòng thí nghiệm	Máy xẻ mẫu	05	Xẻ mẫu lõi khoan
		Máy nghiền hàm ếch	03	Phá mẫu đầu vào kích thước 1x2cm, đầu ra kích thước 0,5x1 cm
		Máy nghiền đĩa	02	Nghiền mẫu đến kích thước 0,1mm

TT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
6	Xưởng Cơ khí	Máy hàn điện	04	Máy hàn que
		Mày mài bàn	03	Đường kính mài 200mm, công suất 700W
		Máy mài góc	02	Công suất 650W

13. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, Công ty không thực hiện việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Các ngành nghề kinh doanh của Công ty vẫn giữ nguyên không thay đổi.

14. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm /dịch vụ

Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Phòng Thí nghiệm thực hiện theo các tiêu chuẩn chất lượng như ISO 17025; Las XD; VILAS đảm bảo chất lượng các sản phẩm, dịch vụ trước khi cung cấp cho khách hàng.

15. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Công ty chưa xây dựng nhãn hiệu thương mại, Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty phải trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN hàng năm cho Tập đoàn.

16. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện nay, số lượng các công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, nguồn nước, khoáng sản, than và hoạt động thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, đất đá, nước không nhiều trên thị trường, do đây là lĩnh vực ngành nghề đòi hỏi nhiều về trình độ kỹ thuật và công nghệ. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản tuy ít nhưng đều là những doanh nghiệp lớn, có đầy đủ kinh nghiệm, khả năng hoạt động nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành tương đối quyết liệt.

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV là doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có nhiều uy tín, kinh nghiệm và được khách hàng trong ngành tạo điều kiện thuận lợi, do đó Công ty có một lợi thế nhất định trong việc cạnh tranh với các công ty ngoài Tập đoàn khác.

Thêm vào đó, số lượng công ty thuộc Tập đoàn hoạt động về lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản là không nhiều mà nhu cầu về hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước cho các Công ty thuộc Tập đoàn là lớn, nhất là các công ty về khai thác than đã tạo cho Công ty một lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Với sự phát triển ngành công nghiệp than – khoáng sản nói chung và Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản nói riêng, Công ty luôn sẽ nhận được sự hỗ trợ từ phía các công ty con cùng Tập đoàn và đặc biệt là chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty sẽ đảm bảo cho Công ty hoạt động kinh doanh phát triển và có sức cạnh tranh với các công ty trong ngành khác.

17. Các hợp đồng lớn

Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết như sau:

Bảng 11. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Số hợp đồng	Đối tác hợp đồng	Nội dung hợp đồng	Giá trị (đồng)
1	80A/HĐKT-THT-ĐVB ngày 18/5/2014	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hồng Thái - TKV	Thực hiện công tác khoan thăm dò BS mỏ than Đồng Vông, Công ty than Hồng Thái - TKV	51.239.857.000
2	16A/HĐKT-THL-ĐVB ngày 18/3/2013	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long – TKV	Khoan thăm dò Bs mỏ than Bắc Cọc Sáu, Công ty than Hạ Long	27.340.000.000
3	296/HĐKT-TVD-ĐVB ngày 22/4/2014	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Thi công đề án khoan thăm dò mỏ than Vàng Danh Uông Bí - Quảng Ninh	9.600.000.000
4	01/2015/HĐ-ĐVB-ĐCM ngày 1/1/2015	Công ty than Mạo Khê - TKV	Khoan TDBS Đề án thăm dò bổ sung mỏ than Mạo Khê - Công ty than Mạo Khê - TKV	101.155.225.734
5	310/HĐ-KHMD ngày 10/7/2015	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Khoan thăm dò khu trung tâm mỏ than Mông Dương năm 2015	36.153.961.640
6	25 /HĐKT-KH/2015 ngày 2/6/2015	Công ty than Nam Mẫu - TKV	Khoan phục vụ khai thác năm 2015 mỏ than Nam Mẫu	8.873.018.320
7	40 /HĐKT-KH/2015 ngày 25/6/2015	Công ty than Dương Huy- TKV	V/v: Khoan phục vụ khai thác năm 2015 mỏ than Dương Huy	11.129.944.100
Tổng cộng				245.492.006.794

18. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 12. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	163.424	198.009	193.218
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	75.595	44.919	81.987
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	43.000	43.000	81.987

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
4	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	76.741	140.211	99.919
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0
5	Nợ dài hạn	Triệu đồng	11.088	12.880	11.312
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0
6	Nợ phải thu	Triệu đồng	96.282	123.043	129.425
	- Trong đó Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	1.878	5.057	293
7	Tổng số lao động	Người	727	705	633
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	65.809	54.587	58.929
9	Thu nhập BQ trđ/người/tháng	Triệu đồng	7.543	6.452	7.758
10	Tổng doanh thu	Triệu đồng	202.316	169.999	216.825
11	Tổng chi phí	Triệu đồng	194.294	167.349	212.435
12	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.022	2.650	4.391
13	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.430	2.321	3.619
14	Tỷ suất LNST/vốn CSH	%	8,51%	5,17%	4,41%

(Nguồn BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV)

19. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty

❖ Thuận lợi:

Công ty thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ nên doanh thu của Công ty tương đối ổn định, đảm bảo đủ công việc và thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng khai thác thêm các hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Công ty có hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ chuyên dùng trong công tác khoan, thăm dò than, khoáng sản tương đối đồng bộ và hiện đại như các thiết bị khoan sâu chuyên dụng (trên 1200m), trạm đo Địa vật lý (đến 2000m), hệ thống thiết bị thí nghiệm đạt chuẩn LASXD; VILAS; ISO 17025

Công ty có đội ngũ lao động nhiệt tình tâm huyết với nghề có trình độ chuyên môn phù hợp, tay nghề cao đáp ứng được các yêu cầu phức tạp của công việc.

❖ Khó khăn:

Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khảo sát, thăm dò than, khoáng sản. Với địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Ngoài ra điều kiện thi công khoan thăm dò cũng rất khó khăn, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa

tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới... Theo đó, các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng.

Tháng 8/2015, Công ty bị thiệt hại nặng nề từ đợt mưa lũ ở Mông Dương tỉnh Quảng Ninh. Công ty bị chôn vùi một máy khoan và các công cụ dụng cụ, vật tư khác, con số thiệt hại ước tính lên tới 5 tỷ đồng.

20. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-TKV của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam về về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV thuộc Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015 và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV, giá trị thực tế tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV cụ thể như sau:

Bảng 13. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/4/2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	134.987.894.523	147.906.123.343	12.918.228.820
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	44.735.718.475	56.642.459.029	11.906.740.554
1. Tài sản cố định	34.238.249.068	39.358.321.093	5.120.072.025
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>33.584.090.101</i>	<i>38.704.162.126</i>	<i>5.120.072.025</i>
<i>b. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>654.158.967</i>	<i>654.158.967</i>	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9.320.700.000	15.853.007.337	6.532.307.337
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
5. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	1.176.769.407	1.431.130.599	254.361.192
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	90.252.176.048	90.252.175.695	(353)
1. Tiền	11.900.995.062	11.900.994.709	(353)
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>3.450.229.353</i>	<i>3.450.229.000</i>	<i>(353)</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>8.450.765.709</i>	<i>8.450.765.709</i>	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	50.812.547.117	50.812.547.117	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	26.468.978.006	26.468.978.006	-
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	1.069.655.863	1.069.655.863	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	1.011.488.619	1.011.488.619

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
- Nguyên giá	6.708.378.674	6.708.378.674	0
- Hao mòn lũy kế	(6.708.378.674)	(6.708.378.674)	0
2. Chi phí trả trước dài hạn	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.096.837.883	1.096.837.883	-
- Nguyên giá	1.385.479.433	1.385.479.433	
- Hao mòn lũy kế	(288.641.550)	(288.641.550)	
E. Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D+E)	136.084.732.406	149.002.961.226	12.918.228.820
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	134.987.894.523	147.906.123.343	12.918.228.820
E1. Nợ thực tế phải trả	60.062.811.636	60.062.811.636	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP{A-(E1+E2)}	74.925.082.887	87.843.311.707	12.918.228.820

(Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/4/2015 để cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Tại thời điểm xác định GTDN, Công ty thực hiện định giá lại khoản vốn góp tại Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ làm cơ sở xác định giá bán đầu giá cổ phần. Giá trị vốn góp theo sổ sách của khoản đầu tư tài chính là 9.320.700.000 đồng; giá trị doanh nghiệp do Tổ chức tư vấn định giá lại là: 15.853.007.337 đồng, chênh lệch tăng 6.532.307.337 đồng đã được đưa vào GTDN để cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/10/2015, Công ty đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn tại Công ty này.

21. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

- Tài sản chờ thanh lý là máy móc thiết bị có nguyên giá: 6.708.378.674 đồng, đã khấu hao 6.708.378.674 đồng. Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý theo quy định. Trường hợp đến

khi chuyển sang công ty cổ phần nếu chưa được thanh lý thì bàn giao về Công ty mẹ TKV theo quy định.

- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi có nguyên giá: 1.385.479.433 đồng, đã khấu hao 288.641.550 đồng. Công ty bàn giao cho Tổ chức công đoàn Công ty quản lý theo quy định.

- Việc quản lý và sử dụng đất đai: Công ty tiếp tục quản lý và sử dụng đất theo phương án sử dụng đất đã trình UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Tuyên Quang. Công ty sẽ tiếp tục làm các thủ tục liên quan đến phương án sử dụng đất và thủ tục chuyển đổi cần thiết khi chuyển sang công ty cổ phần.

PHẦN 2. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí doanh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015;
- Căn cứ Công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hoá các doanh nghiệp thuộc TKV;
- Căn cứ Quyết định số 118/QĐ - TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV;
- Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thành lập các tổ chỉ đạo tiến độ tái cơ cấu

- Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-VBG ngày 14/02/2015 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV về việc thành lập Tổ giúp việc ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty;
- Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-HĐTV ngày 1 tháng 9 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV (thời điểm 0h ngày 01/4/2015).

2. Mục tiêu cổ phần hóa:

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty Địa chất Việt Bắc gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai..
- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần là “*Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*”.

4. Tên gọi, địa chỉ của công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **VBG**
- Tên tiếng Anh : **VINACOMIN-VIET BAC GEOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
- Trụ sở chính : 30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 04 3845 7360 – 3823 3786
- Fax : 04 3732 3483

Nhãn hiệu: Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn, sau khi

chuyển sang công ty cổ phần, Công ty sẽ phải ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN hàng năm cho Tập đoàn

5. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần kế thừa các ngành nghề kinh doanh từ Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc – TKV bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước, gồm: - Điều tra cơ bản địa chất, thăm dò nguồn nước ngầm và nước mặt. - Khoan khảo sát, thăm dò địa chất, địa chất thuỷ văn, địa chất công trình, địa vật lý. - Thi công khoan máy, khai đào, khảo sát và xử lý nền móng.	71103 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3	Hoạt động đo đạc bản đồ	71102
4	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, gồm: lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại.	71109
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường bộ	42102
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: - Xây dựng xử lý nền móng công trình, xây dựng hệ thống xử lý nước công nghiệp và dân sinh.	4390
11	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản	7210
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm phân tích mẫu than, đất, đá, nước, khí, các mẫu khoáng sản khác, thí nghiệm nén tĩnh hiện trường	7120
14	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46591
15	Buôn bán tổng hợp	4690
16	Vận tải hàng hoá đường bộ	4933
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Đánh giá tác động môi trường các công trình: Khai thác mỏ, dân dụng, công nghiệp	7490

TT	Tên ngành	Mã ngành
18	Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu - Khai thác khoáng sản (ngoài than)	0899
19	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Tư vấn đầu tư (không gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	6619
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng	7730
21	Sản xuất máy chuyên dụng khác - Sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dụng: gồm thiết bị máy khoan và thăm dò địa chất	2829
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị: - Sửa chữa máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ.	3312
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320

6. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (01/9/2015)

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-TKV này 01/09/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015 cụ thể như sau:

- ❖ Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp
 - ✓ Giá trị sổ sách : 134.987.894.523 đồng
 - ✓ Giá trị xác định lại : 147.906.123.343 đồng
 - ✓ Chênh lệch : 12.918.228.820 đồng
- ❖ Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp
 - ✓ Giá trị sổ sách : 74.925.082.887 đồng
 - ✓ Giá trị xác định lại : 87.843.311.707 đồng
 - ✓ Chênh lệch : 12.918.228.820 đồng

7. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

7.1 Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV được xác định như sau:

- Vốn điều lệ công ty cổ phần : **86.000.000.000 đồng**

- Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- Số lượng cổ phần : **8.600.000 cổ phần**

7.2 Cơ sở xác định vốn điều lệ:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014, dự kiến thực hiện kế hoạch 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh ba năm sau cổ phần hóa 2016-2018.

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-TKV ngày 01/9/2015 của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV thuộc Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam tại thời điểm 0h ngày 01/4/2015, tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 87.843.311.707 đồng.

Trên cơ sở tham khảo tại Điều 9, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về việc xác định vốn điều lệ của doanh nghiệp nhà nước.

Trên cơ sở thực tế nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD 3 năm (2016-2018) sau khi Công ty cổ phần hóa, để Công ty giảm bớt áp lực vay vốn, giảm chi phí lãi vay ngân hàng thì mức vốn điều lệ cần thiết đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty sau khi trở thành công ty cổ phần là 86.000.000.000 đồng.

7.3 Cơ cấu vốn điều lệ

Theo công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV thì TKV nắm giữ trên 50% đến 65% vốn điều lệ. Do đó, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

Bảng 14. Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	4.386.000	43.860.000.000	51,00%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo năm công tác	462.200	4.622.000.000	5,37%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài	253.300	2.533.000.000	2,95%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	3.498.500	34.985.000.000	40,68%
	Cộng	8.600.000	86.000.000.000	100%

7.4 Loại cổ phần, phương thức phát hành và giá khởi điểm

7.4.1 Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

7.4.2 Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7.4.3 Giá khởi điểm

Trên cơ sở kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn nhà nước đã được TKV phê duyệt tại quyết định số 1754/QĐ-TKV ngày 01/9/2015, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn xác định giá bán khởi điểm cổ phần lần đầu theo các phương pháp xác định như sau:

- Phương pháp tài sản ròng (BV): là phương pháp xác định giá cổ phiếu dựa trên giá trị vốn chủ sở hữu tại thời điểm định giá. Phương pháp này được tính dựa trên kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 01/4/2015;
- Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM): là phương pháp xác định phần vốn chủ sở hữu trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp cổ phần hóa trong tương lai, không phụ thuộc vào giá trị tài sản của doanh nghiệp. Theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức, việc xác định số liệu lợi nhuận sau thuế các năm trong tương lai và sử dụng số liệu này để tính toán các chỉ tiêu (tỷ suất lợi nhuận/vốn; tỷ lệ tăng trưởng cổ tức) làm cơ sở quy đổi giá trị cổ tức, vốn các năm trong tương lai về năm hiện tại;
- Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho chủ sở hữu (FCFE): Cơ sở của mô hình chiết khấu dòng tiền tự do cho chủ sở hữu là dựa trên mức dự tính tăng trưởng đáng tin cậy về doanh thu và chi phí trong tương lai. Tổ chức tư vấn sử dụng mô hình chiết khấu dòng tiền tự do dành cho chủ sở hữu với lý do mô hình này phản ánh mong đợi của nhà đầu tư về triển vọng của doanh nghiệp trong tương lai và có thể tính toán từ các báo cáo tài chính dự báo. Mô hình cũng tính đến tiềm năng tăng trưởng, hiệu quả chiến lược và những rủi ro tiềm ẩn trong bối cảnh cụ thể của doanh nghiệp
- Tổng hợp kết quả định giá theo 3 phương pháp của đơn vị tư vấn:

TT	Phương pháp	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Phương pháp tài sản ròng	10.000
2	Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	5.709
3	Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho chủ sở hữu	6.503
	Trung bình 3 phương pháp	7.404

Căn cứ theo quy định tại khoản 7, Điều 2, Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011: Giá khởi điểm là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cấp có thẩm quyền quy định nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng). Theo đó, Công ty đề xuất lựa chọn giá khởi điểm để bán đấu giá cổ phần công khai là 10.000 đồng/cổ phần.

(Chi tiết Báo cáo định giá cổ phần theo Phụ lục 04 đính kèm)

8. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

8.1 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: cán bộ công nhân viên Công ty, Công đoàn Công ty, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần).

8.2 Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

8.2.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 01/9/2015 là: 517 người;

- Số lao động được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 489 người, tương ứng với 4.922 năm công tác, bằng 492.200 cổ phần

- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 445 người, tương ứng với 4.622 năm công tác, bằng **462.200** cổ phần, chiếm **5,37%** vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Số lao động không đủ điều kiện để mua cổ phần (do chưa đủ 12 tháng làm việc tại doanh nghiệp và đang nghỉ việc không có tên trong danh sách lao động thường xuyên): 28 người.

Danh sách CBCNV mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục 01 đính kèm.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

8.2.2 Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Số lao động được quyền mua thêm cổ phần ưu đãi thuộc đối tượng công ty cổ phần cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho công ty cổ phần ít nhất là 03 năm: 491 người; Tổng số cổ phần ưu đãi được mua thêm: 1.091.800 cổ phần.

- Số lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi: 121 người

- Tổng số cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua thêm: 253.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,95% vốn điều lệ công ty cổ phần.

Danh sách CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo Phụ lục 1 đính kèm.

8.3 Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c, Mục 2, Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ thì “*Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ Công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức Công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.*

Tổ chức Công đoàn Công ty không tham gia mua cổ phần từ nguồn quỹ Công đoàn.

8.4 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Không có nhà đầu tư chiến lược.

8.5 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **3.498.500 cổ phần** chiếm **40,68%** vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm dự kiến là **10.000 đồng/cổ phần**.
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 11/2015, ngay sau khi có Quyết định của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt Phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

9. Phương án phân chia quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

Căn cứ báo cáo quyết toán và Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Ngày 31 tháng 3 năm 2015 Ban quản lý điều hành Công ty và đại diện BCH Công đoàn Công ty đã tổ chức họp và thống nhất phương án sử dụng Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng phân chia cho người lao động tại thời điểm 01/4/2015 như sau:

a. Mốc thời gian và phương thức chia cho người lao động:

- Mốc thời gian để tính số năm công tác: Lấy mốc thời gian từ tháng 10/2010 (theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin) đến 00h ngày 01/4/2015 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) để tính số năm công tác.

- Phương thức chia: Chia theo tổng số năm công tác (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động cho Công ty Địa chất Việt Bắc. Đối với phần tháng lẻ của tổng số năm làm việc thực tế của người lao động được quy định như sau:

- + Có số tháng lẻ của tổng số năm từ 01 tháng đến 06 tháng được làm tròn 0,5 năm
- + Có số tháng lẻ của tổng số năm từ 07 tháng đến 11 tháng được làm tròn 01 năm

b. Phương án chia quỹ phúc lợi, khen thưởng cụ thể:

- Tổng số dư từ Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng kết dư đến ngày 31/3/2015: 5.420.466.215 đồng;

- Tổng số tiền người lao động được chia theo phương án ở mục a (534 người) là: 2.105.401.235 đồng, với mức phân phối bình quân 950.700 đồng /năm.

- Tổng số tiền để lại chi cho kế hoạch hoạt động chung về thi đua, văn hóa, phong trào, khen thưởng năm 2015 của Công ty: 3.315.064.980 đồng.

10. Phương án sử dụng lao động và Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư

10.1 Phương án sắp xếp lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng 15. Phương án sắp xếp lại lao động (01/9/2015)

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	517	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, P.GD, KTT)	5	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	510	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	397	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	113	
	c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	02	
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	13	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo Luật lao động	11	Trong đó có 07 người nghỉ hưu trước tuổi
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ theo Luật lao động	2	
	a) Hết hạn HĐLĐ		
	b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	2	
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật		
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:	0	
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	0	
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	504	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	500	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH	4	
	a) Ốm đau		
	b) Thai sản	4	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện lao động		
	a) Nghĩa vụ quân sự		
	b) Nghĩa vụ công dân khác		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	c) Bị tạm giam, tạm giữ		
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)		

Ghi chú:

- Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 2 mục III

- Tổng số lao động giải quyết chính sách theo Bộ luật lao động: 14 người (Trong đó bao gồm 01 lao động tiếp nhận về làm việc tại Công ty sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh và nhu cầu sử dụng lao động trong tương lai, Công ty dự kiến cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Bảng 16. Bảng cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ	504	100%
1	Trên đại học	4	0,79%
2	Đại học	143	28,37%
4	Cao đẳng, trung cấp	48	9,52%
5	Trình độ khác	309	61,31%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	504	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	1,19%
2	Lao động không xác định thời hạn	385	76,39%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	113	22,42%
4	Lao động thời vụ	0	0,00%
III	Phân theo giới tính	504	100%
1	Nam	426	84,52%
2	Nữ	78	15,48%

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục 1 đính kèm.

10.2 Kế hoạch xử lý lao động

* Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 01/9/2015, số lao động là 517 người, trong đó nữ: 81 người.

* Tại thời điểm trình phương án CPH ngày 15/10/2015, số lao động là 518 người, trong đó nữ: 81 người

- Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần: 504 người, trong đó nữ: 78 người.

- Số lao động sẽ nghỉ việc để giải quyết chế độ chính sách: 14 người, trong đó:

+ Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 13 người (Trong đó: 04 người đủ điều kiện nghỉ hưu, 02 người chấm dứt HĐLĐ, 07 người nghỉ hưu trước tuổi)

+ Bổ sung lao động nghỉ việc theo luật lao động: 01 người

+ Số lao động dôi dư: 0 người

Danh sách lao động chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

11. Kế hoạch đào tạo lại lao động

Không có

12. Phương án sử dụng đất

Thực hiện quy định tại Điều 31, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, Công ty đã gửi công văn số 255/PASDD/VBG ngày 26/05/2015 và công văn số 282/PASDD/VBG ngày 03/07/2015 về phương án sử dụng đất báo cáo UBND Thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Tuyên Quang (nơi Công ty đang có đất tại địa phương) đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty, cụ thể như sau:

Bảng 17. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1	Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	18.178	Xây dựng cơ sở làm việc, kho xưởng và nhà ở CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm	-Quyết định 5394/QĐ-UB ngày 13/12/1990 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 16.712 m ² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. Quyết định 1038/QĐ-UB ngày 15/4/1985 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 10.000 m ² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. -Hợp đồng thuê đất số 46-245/ĐC-NĐ-HĐTD giữa Sở địa chính-Nhà đất Hà Nội và Xí nghiệp Thăm dò khảo sát và dịch vụ kỹ thuật.	Công ty đã bàn giao 8.534 m ² (Diện tích nhà ở của CBCNV đã được cấp sổ đỏ) cho Xã Đình Xuyên – Gia Lâm quản lý.
2	Thôn Địa Chất, xã Hợp Thành, huyện Sơn	12.628	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Thuê đất, trả tiền hàng năm	Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang cho chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – Vinacomin – Xí nghiệp Địa chất 109 thuê đất với diện tích 12.628 m ² . -Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTD ngày 14/6/2012 giữa UBND tỉnh	

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
	Dương, tỉnh Tuyên Quang				Tuyên Quang và chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – Vinacomin – Xí nghiệp Địa chất 109 -Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp	
	Tổng cộng	30.806				

(Chi tiết phương án sử dụng đất tại Phụ lục số 02)

(Đến thời điểm hiện nay, các địa phương chưa có ý kiến phê duyệt PA sử dụng đất cho Công ty. Khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty tiếp tục chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. với thời hạn thuê đất 50 năm.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục giải quyết hồ sơ, các thủ tục liên quan đến phương án sử dụng đất và làm thủ tục chuyển đổi cần thiết khi chuyển sang công ty cổ phần

13. Chi phí cổ phần hóa và kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa

13.1 Chi phí cổ phần hóa

Tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng. Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0h ngày 01/4/2015 là **147.906.123.343** đồng, dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty là **500.000.000** đồng, chi tiết như sau:

Bảng 18. Dự toán chi phí cổ phần hóa

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
A	Các khoản chi trực tiếp tại đơn vị	93.000.000
1	Tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hoá	7.000.000
2	Kiểm kê, xác định giá trị tài sản	20.000.000
3	Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	25.000.000
4	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	30.000.000
5	Chi phí khác	11.000.000
B	Chi phí thuê tư vấn và các tổ chức khác	291.000.000
1	Chi phí thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	150.000.000
2	Chi phí hoạt động công bố thông tin, bán cổ phần tại SGD chứng khoán	20.000.000
3	Chi phí thuê tổ chức bán đấu giá cổ phần và ĐHĐCĐ	121.000.000
C	Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ giúp việc	116.000.000

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Ban Chi đạo	56.000.000
2	Tổ giúp việc	60.000.000
	Tổng cộng	500.000.000

13.2 Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ và Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần, Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV dự kiến hoàn vốn ngân sách nhà nước, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần):

Bảng 19. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN	87.843.311.707
2	Vốn điều lệ tại công ty cổ phần	86.000.000.000
3	Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ tại công ty cổ phần (51%)	43.860.000.000
4	Tiền thu từ cổ phần hóa	42.140.000.000
a.	<i>Bán ưu đãi cho người lao động</i>	4.622.000.000
b.	<i>Bán theo cam kết làm việc</i>	2.533.000.000
c.	<i>Bán cho nhà đầu tư bên ngoài</i>	34.985.000.000
5	Chi phí từ cổ phần hóa	2.348.800.000
a.	Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
b.	Chi phí ưu đãi 40% người lao động	1.848.800.000
6	Chênh lệch giữa vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN và vốn điều lệ tại công ty cổ phần	1.843.311.707
7	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách nhà nước = (4)-(5)-(6)	41.634.511.707

14. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

a) *Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.*

b) *Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”*

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trên nếu Công ty đáp ứng đủ các điều kiện về công ty đại chúng và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán.

PHẦN 3. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Phương hướng và mục tiêu

Với những thế mạnh hiện có của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu thị trường trong tương lai, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV có những định hướng cho phát triển sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa như sau:

Chiến lược phát triển của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV phải phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của ngành than, khoáng sản Việt Nam nhằm đảm bảo tăng trưởng và an ninh năng lượng Quốc gia. Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp Việt Nam.

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thiết bị chuyên ngành công nghệ kỹ thuật hiện đại, đồng bộ để đáp ứng được việc khoan thăm dò đánh giá chính xác trữ lượng, chất lượng tài nguyên. Đầu tư khoan thăm dò công nghệ khoan ống mẫu luôn, thiết bị khoan sâu từ 1.000m đến 2.000m phục vụ khai thác hầm lò và thực hiện được các dự án lớn đáp ứng được nguồn năng lượng phục vụ yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế của Đất Nước.

Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, quan tâm việc đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, thu hút nhân tài. Hàng năm có kế hoạch đào tạo cán bộ, kỹ sư ở trong nước và cử đi nước ngoài học tập để tiếp cận và làm chủ các thiết bị công nghệ hiện đại trong nước và thế giới;

Xây dựng Công ty trở thành một trong những đơn vị địa chất hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động thăm dò khảo sát than, khoáng sản của Tập đoàn, đáp ứng được yêu cầu cho công tác khoan thăm dò địa chất khoáng sản năm 2015 và các năm tiếp theo, các giải pháp tiếp thị phát triển thị trường, giữ trọn chữ tín với khách hàng.

Công ty có kế hoạch đưa cổ phiếu vào niêm yết trên thị trường chứng khoán trong vòng một (01) năm kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Công tác đầu tư phát triển

Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, Công ty dự kiến đầu tư một số tài sản chủ yếu như sau:

Đơn vị : triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm thực hiện	Nguồn vốn tự có
1	Thiết bị khoan thăm dò	6 725	2016	6 725
2	Thiết bị vận tải	2 150	2016	2 150
3	Thiết bị thí nghiệm mẫu	300	2016	300
4	Thiết bị khoan thăm dò	6 000	2017	6 000
5	Thiết bị thí nghiệm mẫu	2 000	2017	2 000
6	Thiết bị khác	2 000	2017	2 000

TT	Danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm thực hiện	Nguồn vốn tự có
7	Thiết bị khoan thăm dò	7 000	2018	7 000
8	Thiết bị thí nghiệm mẫu	2 000	2018	2 000
9	Thiết bị khác	3 000	2018	3 000
Tổng cộng		31 175		31 175

3. Về công tác tài chính

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch quản lý chi phí - giá thành gắn với tiến độ nghiệm thu thanh quyết toán phù hợp với từng hợp đồng trên cơ sở qui trình quản lý chung, đảm bảo cân đối dòng tiền với từng hợp đồng và tổng thể đối với hoạt động kinh doanh.
- Tập trung mọi lực lượng cho công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành, tích cực thực hiện thu hồi công nợ, thực hiện quyết liệt kế hoạch thu chi tài chính từng tháng, từng quý, đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

4. Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV

- Ổn định tổ chức quản lý theo mô hình Công ty cổ phần, xây dựng các Quy chế quản trị mới theo mô hình Công ty cổ phần.
- Quy hoạch, điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty. Kien toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể CBCNV. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong sản xuất.

5. Cơ cấu lại mô hình tổ chức quản lý và bố trí nhân sự khi chuyển sang công ty cổ phần

5.1 Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức của Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV dự kiến khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần bao gồm:

- ❖ **Hội đồng quản trị** : 05 người
- ❖ **Ban kiểm soát** : 03 người
- ❖ **Ban điều hành bao gồm** : 04 người
 - ✓ Giám đốc : 01 người
 - ✓ Phó Giám đốc : 02 người
 - ✓ Kế toán trưởng : 01 người

5.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của CTCP

✚ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

✚ **Hội đồng quản trị (HDQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT gồm: Chủ tịch hội đồng quản trị; Các uỷ viên hội đồng quản trị. HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

✚ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu , thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát gồm: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- ✓ Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ✓ Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT;
- ✓ Yêu cầu HDQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

- ✓ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty. Ban giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban giám đốc bao gồm: Giám đốc; các Phó giám đốc; Kế toán trưởng.

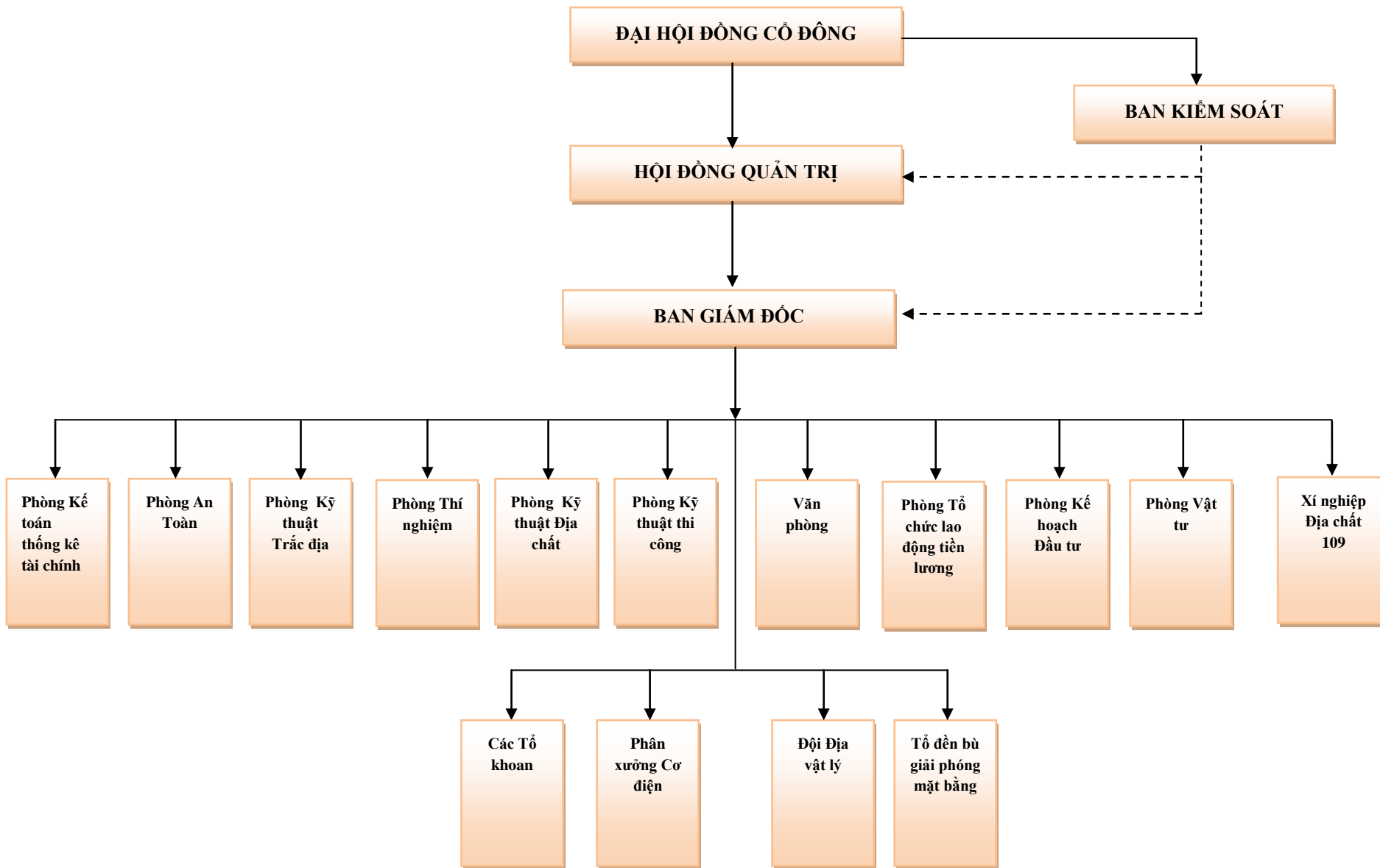
Các phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ

Công ty tổ chức sắp xếp lại số phòng, phân xưởng giảm từ 13 xuống 11. Các phòng kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả. Cụ thể bao gồm các phòng sau

Số phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sau cổ phần gồm:

- + Văn phòng (tên viết tắt là VP);
- + Phòng Tổ chức - lao động tiền lương (tên viết tắt là TC-LĐTL);
- + Phòng Kế toán thông kê tài chính (tên viết tắt là KTTKTC);
- + Phòng Kế hoạch đầu tư (tên viết tắt là KH-ĐT);
- + Phòng Vật tư (tên viết tắt là VT);
- + Phòng An toàn (tên viết tắt là AT);
- + Phòng Thí nghiệm (tên viết tắt là TN);
- + Phòng Kỹ thuật trắc địa (tên viết tắt là KTTĐ);
- + Phòng Kỹ thuật địa chất (tên viết tắt là KTĐC);
- + Phòng Kỹ thuật thi công (tên viết tắt là KTTC);
- + Phân xưởng, Tổ, đội thuộc Công ty:
 - Phân xưởng Cơ điện;
 - Đội Địa vật lý;
 - Tổ đèn bù giải phóng mặt bằng;
 - Các tổ khoan.
- + Chi nhánh trực thuộc
 - Xí nghiệp Địa chất 109.

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2016-2018) với các chỉ tiêu như sau:

Bảng 20. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến thực hiện Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	86.000	86.000	86.000	86.000
2	Tổng số lao động	Người	560	570	589	595
3	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	51.200	53.200	55.100	56.400
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đồng	7.619	7.778	7.796	7.899
6	Doanh thu	Triệu đồng	220.000	222.000	225.000	230.000
7	Tổng chi phí	Triệu đồng	214500	215800	218300	222500
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.500	6.200	6.700	7.500
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.290	4.960	5.360	6.000
9	Trích lập các quỹ	Triệu đồng		1.090	1.060	1.270
10	Chia cổ tức	Triệu đồng		3.870	4.300	4.730
11	Tỷ lệ cổ tức	%		4,50%	5,00%	5,50%

7. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

7.1 Về tổ chức, quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước đối với Công ty cổ phần.
- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa

lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành. Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp. Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.
- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán.
- Thực hiện nâng cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và liên tục cải tiến để hoàn thiện hệ thống quản lý.

7.2 Giải pháp giảm chi phí

- Đẩy mạnh phong trào tiết kiệm, chống lãng phí. Tiết kiệm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận: Xây dựng và hoàn thiện các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, lao động, các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp. Nghiên cứu áp dụng các phương thức chạy máy mới, áp dụng vào sản xuất một số nguyên liệu, nhiên liệu có giá thành thấp hơn thay thế nguyên liệu, nhiên liệu đang dùng để tiết kiệm chi phí.
- Tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích. Giảm tối đa chi phí hội họp, đi công tác trong và ngoài nước, chi phí tiếp khách, mua sắm trang thiết bị văn phòng, quảng cáo, điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu... góp phần giảm chi phí sản xuất. Khuyến khích CBCNV thực hiện tốt Quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

8. Phân tích các rủi ro dự kiến

8.1 Rủi ro về kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến khoan, thăm dò địa chất, khai khoáng và xây dựng thì môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2014, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam tuy còn nhiều khó khăn nhưng phần nào đã bước vào giai đoạn ổn định và phục hồi. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng giá trị hàng hóa quốc nội (GDP) năm 2014 tăng trưởng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng trưởng này cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2011 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Lĩnh vực khai khoáng trong năm đã chứng kiến bước chuyển mình của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo dự báo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, sang năm 2015 tăng trưởng kinh tế sẽ tiếp tục xu thế phục hồi và việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,2% là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai gần được dự báo vẫn ở mức chậm và thiếu bền vững. Vì thế bất cứ biến động nào của nền kinh tế thế giới cũng có tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng.

Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 12 năm 2014 giảm 0,24% so với tháng trước đó, là tháng có mức CPI giảm trong 10 năm gần đây (không tính đến năm 2008 là năm ảnh hưởng mạnh của suy thoái kinh tế thế giới). Tính chung cả năm 2014, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,6% so với năm 2013 với xu hướng tăng nhanh vào các tháng cuối năm (Quý I tăng 5,3%, quý II tăng 6,9%, quý III tăng 7,8%, quý IV ước tính tăng 10,1%), cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013. Trong mức tăng chung cả năm của toàn ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 2,5%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,7%, cao hơn mức tăng 7,3% của năm 2013, đóng góp 6,2 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 12,1%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 6,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Sau một loạt các chính sách vĩ mô được đưa ra nhằm điều tiết nền kinh tế, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực. Khi nền kinh tế dần phục hồi và ổn định sẽ là tiền đề phát triển cho Công ty trong giai đoạn đầu kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

Rủi ro lãi suất: hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh do vậy sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2014, diễn biến của lãi suất khá tương thích với biến động của lạm phát và các yếu tố khác của nền kinh tế. Sau hai lần điều chỉnh lãi suất vào tháng 3/2014 và tháng 10/2014, hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế từ 8%/năm xuống chỉ còn 7%/năm, đồng thời NHNN kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế.

Như vậy, với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006, chi phí lãi vay của doanh nghiệp có cơ hội giảm. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2015 và các năm sắp tới.

8.2 Rủi ro pháp lý

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cũng cùng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp như công ty cổ phần, nên Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV sẽ có thuận lợi hơn trong thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này. Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý.

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Khoáng sản, Luật môi trường và các luật khác có liên quan. Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc sau khi cổ phần hóa. Cùng với quá trình phát triển, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc sau khi cổ phần hóa sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

Mặt khác, các chính sách liên quan đến tài nguyên như thuế xuất khẩu tài nguyên, quy hoạch về năng lượng v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than và khoáng sản từ đó tác động đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, khoan thăm dò.

8.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro về tai nạn, hiểm họa thiên nhiên

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc là công ty cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thăm dò than, khoan khai thác các khoáng sản như quặng Titan, quặng kẽm, chì, thăm dò bổ sung mỏ sắt, đất hiếm, thiếc sa khoáng... cho các công ty khai khoáng trên thị trường. Do đó, các hoạt động của công ty chủ yếu là các hoạt động ngoài trời, chịu ảnh hưởng rất lớn từ thời tiết (hạn hán, mưa bão, lũ lụt), địa chất của từng vùng, khu vực... Những ảnh hưởng của tự nhiên sẽ làm giảm tuổi thọ của các máy móc thiết bị, tiến độ thi công công trình và được coi là một trong những nhóm rủi ro lớn, có nhiều nguy cơ đối với hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty.

Bên cạnh đó, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với công ty. Sức ép về sự gia tăng các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng tăng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về địa chất, khai thác

Trong quá trình thăm dò, khoan và khai thác, các cán bộ công nhân viên của Công ty thường phải đối mặt với những rủi ro trong quá trình thi công do địa chất gây nên như lún sụt, sạt lở đất đá... Chính vì vậy, Công ty Địa chất Việt Bắc luôn chú trọng đến việc xử lý các tài

liệu địa chất, quan trắc và chọn công nghệ, trang thiết bị phù hợp, các giải pháp bảo đảm an toàn lao động cho các công nhân phù hợp với quá trình làm việc.

Ngoài ra, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, nên Công ty cũng phải khai thác ngày càng xuống sâu và xa hơn, làm cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng.

Rủi ro chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng

Chính sách của nhà nước ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngành khai khoáng. Theo Luật Khoáng sản sửa đổi năm 2010, có hiệu lực từ 01/07/2011, nhiều điểm mới ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản, và tác động gián tiếp tới các công ty cung cấp dịch vụ cho quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản. Một số điểm mới cần nhấn mạnh như điều kiện cấp mỏ mới, trách nhiệm của các doanh nghiệp khai thác mỏ đối với địa phương nơi khai thác trong việc đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường.

Rủi ro về mục tiêu, định hướng phát triển

Do công ty cổ phần sau cổ phần hoá xác định mục tiêu, chiến lược phát triển theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn cũng như đối tượng khách hàng mục tiêu vẫn là các công ty, đơn vị than, khoáng sản của Tập đoàn nên nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về kế hoạch, định hướng và mục tiêu phát triển của Tập đoàn có thể tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc cung cấp dịch vụ cho quá trình thăm dò, khai thác than, khoáng sản.

8.4 Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty Địa chất Việt Bắc – TKV cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...) là những rủi ro bất khả kháng, tuy ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.

9. Đề xuất, kiến nghị

Thực hiện cổ phần hóa Công ty Địa chất Việt Bắc là phù hợp với chủ trương của Đảng và Chính phủ, là việc làm cần thiết để mở rộng quy mô, thu hút vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Địa chất Việt Bắc.

Để xây dựng Công ty ngày một phát triển, bền vững có thương hiệu trong lĩnh vực khoan thăm dò. Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV kiến nghị với Tập đoàn TKV một số nội dung sau:

- Xem xét giao kế hoạch thăm dò sớm từ đầu năm để Công ty chủ động sắp xếp, bố trí sản xuất cho hợp lý;
- Lựa chọn và Quyết định giao Vốn điều lệ phù hợp để Công ty thuận lợi- hoàn thành nhiệm vụ khi cổ phần hóa; Đảm bảo SXKD có hiệu quả và lợi ích cho các cổ đông.

Kính đề nghị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Địa chất Việt Bắc để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty Địa chất Việt Bắc được phê duyệt và có Quyết định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc thành Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

Bảng 21. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Thời điểm nhận phê duyệt phương án cổ phần hóa	10/2015
2	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư	11/2015
3	Tổ chức bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV	11/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	11/2015
5	Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu, thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh	12/2015
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần, in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần	12/2015
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài	12/2015
8	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	12/2015
9	Thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	12/2015

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2015

